

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 được giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo:

1. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương năm 2019 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản: lương, phụ cấp, trợ cấp, các khoản đóng góp theo lương; các khoản có tính chất tiền công, tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản giao không tự chủ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, các khoản phí dành chi đầu tư phát triển); 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập) và nguồn cải cách tiền lương đến hết năm 2018 còn dư chuyển sang.

2. Chủ động bố trí chi hoàn trả các khoản tạm ứng từ ngân sách tỉnh từ nguồn dự toán giao đầu năm, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư trong năm.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo chỉ tiêu kế hoạch cho các sở, ban, ngành, doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý. Hội đồng nhân dân các cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 44, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Chậm nhất 5 ngày sau khi dự toán được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giao dự toán cho từng cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung).

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch, Tổng Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên thuộc tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 4;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Tài chính;
 - TT tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
 - CT, P1, P2, P3, P4;
 - Các Ban của HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Chuyên viên VPUBND tỉnh;
 - Lưu: VT, TM3.
- 250 bản, QĐ719

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5168/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của UBND tỉnh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH

Mã số QHSDNS: 1124833 - Chương: 599 - Khoản: 341

Đơn vị: triệu đồng./

| STT | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--|---------|---|
| I | Dự toán thu, chi NS về phí, lệ phí | | |
| II | Dự toán chi NSNN cấp (1-2) | 5.467 | |
| 1 | Dự toán được giao | 5.672 | Lĩnh vực chi QLHC |
| - | Kinh phí thực hiện tự chủ | 3.337 | |
| - | Kinh phí không thực hiện tự chủ | 2.335 | Thuê nhân công dọn vệ sinh 48trđ; Nước uống công dân, CB các sở 16trđ; tiền điện 156trđ; văn phòng phẩm 96trđ; Thiết bị tin học, đèn chiếu sáng, điện thoại 100trđ; Hỗ trợ hàng tháng cho CCVC các Sở, ban, ngành 2trđ/người/tháng 1.440 trđ; Hỗ trợ may đồng phục 184trđ; Nước sinh hoạt 3trđ; Bổ sung 02 máy tính nối mạng + 02 máy scan tại khu vực tiếp công dân để thực hiện thủ tục công cấp độ 3,4 theo đề xuất của Sở KHĐT 184 trđ; Cước dịch vụ SMS BRANDNAME 108 trđ. |
| 2 | Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phần kinh phí tự chủ giữ tại ngân sách cấp tỉnh | 205 | |
| III | Nguồn tăng lương của năm 2018 còn chuyển sang để thực hiện tăng lương mới năm 2019 | 455 | Nguồn giữ tại đơn vị |
| | | | |